

| | | | |
|------------|-------------------|---------|---------|
| Ngày | 16,000 VNĐ | | |
| 30/09/2024 | | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | -0.6% | -0.3% | -28.9% |

| | | |
|-----|-------------|-------------------|
| | Q3/24 | |
| ROE | 2.7% | +/- YoY ▼ 3.3% |

| | | | |
|----------|------------|-------------------------|-------------------------|
| | Q3/24 | | |
| DT thuần | 245 | QoQ ▼ 146 ▼ 37.2% | YoY ▼ 9.00 ▼ 3.3% |
| | tỷ VNĐ | | |

| | | |
|----------|------------|-------------------------|
| | 9T 2024 | |
| DT thuần | 926 | YoY ▼ 17.0 ▼ 1.7% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|--------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| | Q3/24 | | |
| LN gộp | 90.4 | QoQ ▼ 9.60 ▼ 9.6% | YoY ▲ 1.90 ▲ 2.2% |
| | tỷ VNĐ | | |

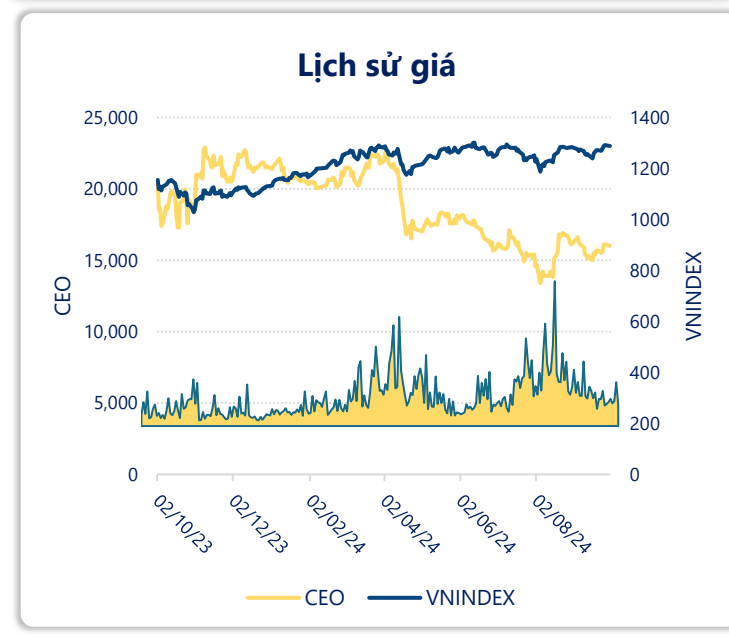
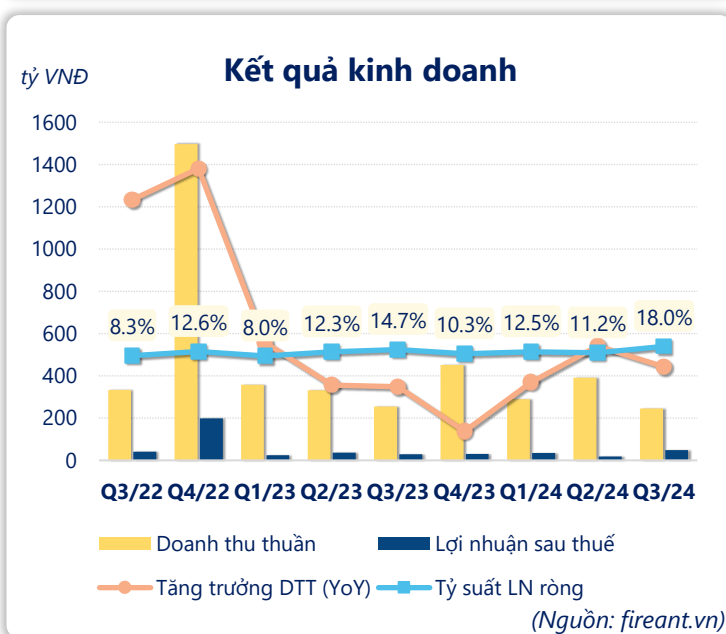
| | | |
|--------|------------|-------------------------|
| | 9T 2024 | |
| LN gộp | 281 | YoY ▼ 20.0 ▼ 6.6% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|----------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | Q3/24 | | |
| LN thuần | 55.4 | QoQ ▲ 17.0 ▲ 44.4% | YoY ▲ 16.7 ▲ 43.3% |
| | tỷ VNĐ | | |

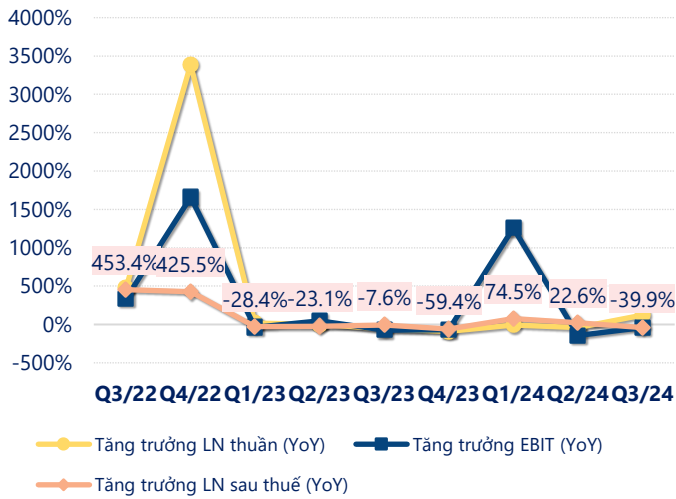
| | | |
|----------|------------|--------------------------|
| | 9T 2024 | |
| LN thuần | 158 | YoY ▲ 31.0 ▲ 24.0% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|-------------|-------------|-------------------------|--------------------------|
| | Q3/24 | | |
| LN sau thuế | 48.8 | QoQ ▲ 30.8 ▲ 171% | YoY ▲ 20.6 ▲ 73.2% |
| | tỷ VNĐ | | |

| | | |
|-------------|------------|--------------------------|
| | 9T 2024 | |
| LN sau thuế | 102 | YoY ▲ 12.8 ▲ 14.4% |
| | tỷ VNĐ | |

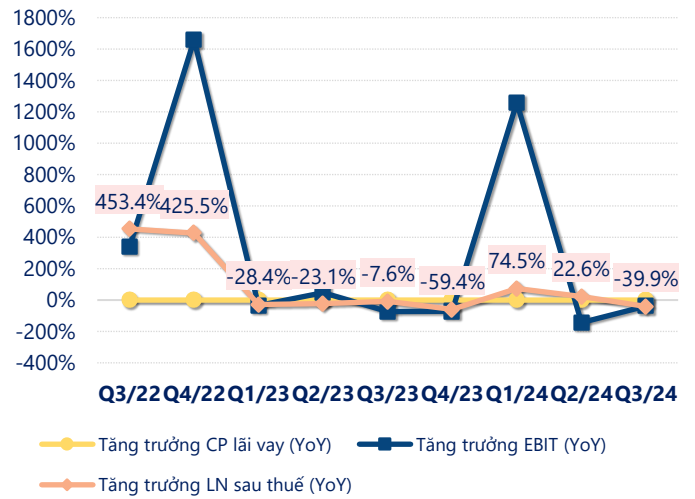


Tăng trưởng lợi nhuận



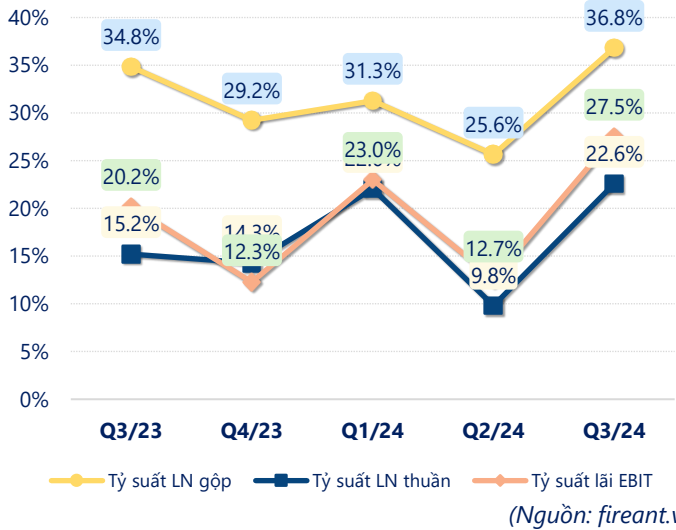
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



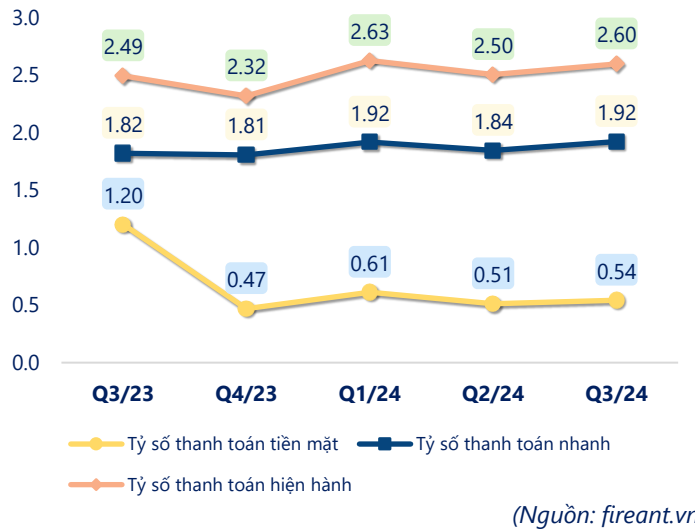
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



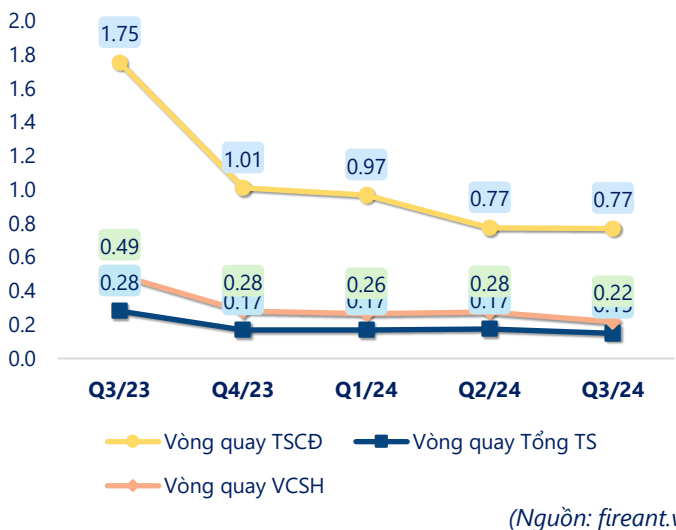
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



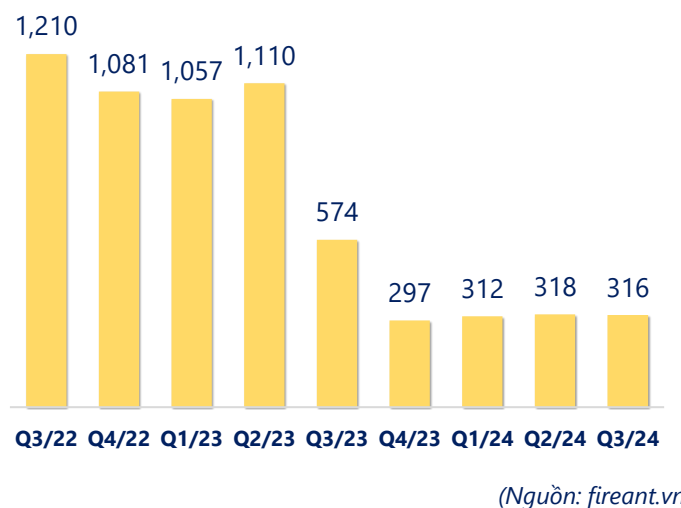
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS



(Nguồn: fireant.vn)

| KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ) | Q3/24 | Q3/23 | Thay đổi YoY | 9T 2024 | 9T 2023 | Thay đổi YoY |
|--------------------------------|-------------|-------------|-----------------|-------------|-------------|-----------------|
| Doanh thu thuần | 245 | 254 | -3.3% | 926 | 943 | -1.7% |
| Giá vốn hàng bán | 155 | 166 | -6.6% | 645 | 641 | 0.6% |
| Lợi nhuận gộp | 90.4 | 88.5 | 2.2% | 281 | 301 | -6.6% |
| Doanh thu HĐTC | 10.5 | 11.2 | -6.2% | 50.3 | 20.9 | 141% |
| Chi phí TC | 8.01 | 12.4 | -35.4% | 24.4 | 54.6 | -55.3% |
| Chi phí lãi vay | 7.99 | 11.1 | -28.1% | 23.5 | 53.2 | -55.9% |
| LN trong công ty LKLD | 0 | 0.00 | | 0 | 0 | |
| Chi phí bán hàng | 12.9 | 27.9 | -53.7% | 63.6 | 76.1 | -16.4% |
| Chi phí QLDN | 24.6 | 20.7 | 18.6% | 86.0 | 64.2 | 34.0% |
| LN thuần từ HĐKD | 55.4 | 38.7 | 43.3% | 158 | 127 | 24.0% |
| Lợi nhuận khác | 4.13 | 1.46 | 183% | 2.57 | 6.00 | -57.1% |
| LN trước thuế | 59.6 | 40.1 | 48.6% | 160 | 133 | 20.4% |
| Lợi nhuận sau thuế | 48.8 | 28.2 | 73.2% | 102 | 89.2 | 14.4% |
| LNST của CĐ cty mẹ | 44.2 | 37.3 | 18.5% | 124 | 107 | 16.6% |

(Nguồn: fireant.vn)

